

## QUI CHẾ ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ – BẬC ĐẠI HỌC

### CHƯƠNG I: NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

Trường Đại học Quốc tế (ĐHQT) là một trường đại học thành viên thuộc Đại học Quốc gia –Tp. HCM. Trường đào tạo bậc đại học và sau đại học với ba loại hình bằng cấp: bằng do ĐHQT cấp, bằng cùng cấp với một trường nước ngoài và bằng do một trường nước ngoài cấp. Quy chế này qui định những vấn đề chung nhất về đào tạo theo học chế tín chỉ cho hệ chính qui đại học của trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh áp dụng cho đào tạo đại học loại bằng thứ nhất.

#### Điều 1: Mục tiêu đào tạo

Đào tạo Cử nhân, kỹ sư có trình độ khoa học cơ bản, cơ sở mạnh, vững lý thuyết, giỏi thực hành, có tư duy làm việc độc lập, có khả năng nghiên cứu, hội nhập tốt môi trường làm việc quốc tế sử dụng tiếng anh.

#### Điều 2: Các định nghĩa

##### 1. Chương trình đào tạo (CTĐT):

CTĐT là tập hợp các môn học được bố trí giảng dạy học tập kế tiếp nhau theo một trình tự khoa học nhằm đào tạo người học có đủ kiến thức, khả năng, và tiềm năng cho một lĩnh vực khoa học kỹ thuật. Người học hoàn thành một CTĐT thì được cấp một văn bằng tương ứng.

Nội dung đào tạo trong toàn khóa học của từng ngành ở mỗi trình độ được thể hiện thành CTĐT. CTĐT của mỗi ngành đào tạo do Trường xây dựng trên cơ sở khung chương trình do Bộ GD&ĐT qui định và tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học danh tiếng nước ngoài.

Mỗi CTĐT có thời lượng từ 135 đến 145 tín chỉ và thời gian 4 năm (không tính chứng chỉ Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất) bao gồm các loại môn học như sau:

1.1 Nhóm môn học bắt buộc gồm những môn học chứa đựng những nội dung chính yếu của ngành đào tạo và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

1.2 Nhóm môn học tự chọn là những môn học mà sinh viên được tự chọn để tích lũy đủ số tín chỉ qui định. Trong đó có thể chia ra:

- Môn học tự chọn định hướng: là những môn học tự chọn được xác định theo định hướng chuyên ngành của một CTĐT, chứa đựng những nội dung cần thiết mà sinh viên phải chọn trong số các môn học tự chọn do trường qui định theo nhóm ngành và ngành.
- Môn học tự chọn tự do: là các môn học mà sinh viên có thể chọn tùy ý theo học.

Việc hoàn tất đạt yêu cầu của CTĐT là điều kiện để người học được cấp bằng cho mỗi cấp học.

##### 2. Tín chỉ

Tín chỉ là một đơn vị dùng để lượng hóa khối lượng lên lớp và tự học bắt buộc đối với một sinh viên để đạt được các yêu cầu học tập.

Một tín chỉ được qui định bằng 15 tiết lý thuyết, hoặc 30 đến 45 tiết thực hành và thời gian tự học cần thiết theo ước lượng chung của trường trong học kỳ: học 1 tiết lý thuyết sinh viên phải học 2 tiết tự học.

### **3. Khóa học, năm học và học kỳ**

#### **3.1 Khóa học**

Khóa học là thời gian qui định để sinh viên hoàn tất một CTĐT của một ngành nhất định. Khóa học theo một CTĐT được quy thành số học kỳ chính hay thành số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy. Tùy ngành nghề đào tạo, khóa học được thiết kế từ 8 đến 10 học kỳ chính cho bậc đại học.

Tùy theo khả năng, sinh viên có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập, nhưng không được kéo dài quá thời gian qui định cho toàn khóa học như sau: rút ngắn tối đa 2 học kỳ, kéo dài tối đa 4 học kỳ.

#### **3.2 Năm học và học kỳ**

Năm học gồm 2 học kỳ chính và 1 học kỳ hè.

Học kỳ là một khoảng thời gian nhất định gồm một số tuần dành cho các hoạt động giảng dạy, học tập, và đánh giá kết quả học tập.

- Học kỳ chính gồm 16 đến 20 tuần, trong đó có ít nhất 14 tuần dành cho các hoạt động giảng dạy, học tập và các tuần còn lại dành cho việc kiểm tra, thi, bảo vệ luận văn, đánh giá và đăng ký học tập.
- Học kỳ hè là học kỳ không bắt buộc phải học. Khi sinh viên có nhu cầu và Nhà trường có điều kiện sẽ tổ chức học kỳ hè, gồm 8 đến 10 tuần trong đó có ít nhất 7 tuần dành cho việc giảng dạy, học tập, kiểm tra và một tuần dành cho việc thi cử, đánh giá.

### **4. Lớp học**

#### **Lớp sinh viên:**

Được tổ chức cho các sinh viên học cùng ngành chuyên môn trong cùng một khóa đào tạo. Lớp sinh viên được tổ chức tương đối ổn định từ đầu đến cuối khóa học nhằm duy trì các sinh hoạt đoàn thể, các phong trào thi đua, các hoạt động chính trị-xã hội, văn hóa thể thao và để quản lý sinh viên trong quá trình học tập theo qui định của Nhà trường.

Nhà trường căn cứ vào số lượng sinh viên của mỗi khóa, mỗi ngành đào tạo, để qui định số lớp sinh viên.

#### **Lớp môn học:**

Bao gồm các sinh viên theo học cùng môn học, có cùng thời khóa biểu của môn học. Mỗi lớp môn học đều được ký hiệu bằng một mã số riêng. Số lượng sinh viên của lớp môn học được Trường quy định như sau:

- Với môn cơ bản như Toán, Lý, Hóa v.v.v. . . : tối đa là 120 sinh viên.
- Với môn học cơ sở ngành và môn chuyên ngành: tối đa 60 sinh viên.
- Với môn ngoại ngữ: tối đa 30 sinh viên.
- Sĩ số tối thiểu của một lớp môn học sẽ do Ban Giám hiệu quyết định từng trường hợp cụ thể.

### **5. Môn học- Môn học tương đương – Môn học thay thế - Điểm môn học**

#### **5.1 Môn học**

5.1.1 Môn học là tập hợp tất cả các dạng hoạt động học tập của một phần khối lượng kiến thức. Tùy theo khối lượng kiến thức của môn học yêu cầu, mỗi môn học được lượng hóa bằng một số tín chỉ và định danh bằng mã số môn học.

5.1.2 Các dạng hoạt động học tập của một môn học bao gồm số tín chỉ lý thuyết, số tín chỉ rèn luyện kỹ năng: bài tập, thí nghiệm, thực tập, seminar, tiểu luận, v.v... và số tín chỉ tự học.

5.1.3 Tùy theo yêu cầu về mặt kiến thức, môn học có thể có một hay nhiều môn học tiên quyết, một hay nhiều môn học trước. Đối với mỗi sinh viên theo học một CTĐT nào đó, các môn học được xếp thành: các môn học bắt buộc, các môn học tự chọn định hướng, các môn học tự chọn tự do.

- Môn học tiên quyết: các môn học là tiên quyết đối với môn học A là các môn học mà sinh viên phải theo học trước và phải thi đạt mới được theo học môn học A.
- Môn học trước: môn học A được gọi là môn học trước của môn học B nếu như sinh viên đã đăng ký học và có điểm thi của môn học A, kể cả điểm I, W, X, Z.
- **Môn học tương đương:** một hay nhiều môn học được gọi là tương đương với môn học A của CTĐT khi chúng có nội dung và thời lượng đáp ứng được yêu cầu của môn học A đó (có nội dung giống nhau từ 80% trở lên và có số tín chỉ tương đương hoặc lớn hơn). Danh mục các môn học tương đương được Nhà trường quy định theo đề nghị của Trường Khoa.
- **Môn học thay thế:** môn thay thế là môn học được sử dụng để thay thế một môn học khác có trong chương trình đào tạo nhưng không còn tổ chức giảng dạy nữa.

## 5.2 Điểm môn học

5.2.1 Điểm cuối cùng dùng để đánh giá một môn học được gọi là điểm môn học. Điểm môn học được đánh giá dựa trên kết quả học tập toàn diện của sinh viên trong suốt học kỳ đối với môn học đó.

5.2.2 Điểm môn học có thể bao gồm các loại điểm thành phần sau:

- Thực hành: bài tập, thực hành, seminar, tiểu luận...
- Kiểm tra giữa học kỳ.
- Thi cuối học kỳ.

5.2.3 Điểm thành phần:

Các điểm thành phần được cho dưới dạng số nguyên từ 0 đến 100 và điểm tổng kết môn học là con số đã làm tròn thành số nguyên.

Tỷ lệ các điểm thành phần trong kết quả cuối cùng của một môn học được quy định như sau:

- Điểm thực hành, bài tập, tiểu luận ... : từ 10% - 30%
- Điểm kiểm tra giữa kỳ : từ 20% - 40%
- Điểm thi cuối học kỳ : từ 35% - 60%

Riêng đối với các môn thực hành, được quy định như sau:

- Điểm các bài thực hành trong học kỳ : từ 70% - 80%
- Điểm thi cuối học kỳ : từ 20% - 30%

Các trường hợp không thi giữa kỳ mà thay thế bằng một hình thức khác phải có đề xuất của Khoa và có sự phê duyệt của Ban Giám Hiệu trong vòng 2 tuần (1 tuần đối với học kỳ hè) kể từ khi môn học bắt đầu.

Đối với các môn học đã đăng ký và đã được chấp nhận, sinh viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và nghiêm túc mọi yêu cầu của cán bộ giảng dạy về việc lên lớp, làm bài tập, thực hành thí nghiệm, thực tập, tham gia thảo luận, dự kiểm tra giữa môn học và thi kết thúc môn học. Nếu không thực hiện phần việc nào, sinh viên sẽ nhận điểm không (0) cho điểm thành phần tương ứng.

### Mức điểm đối với một môn học

Điểm môn học được làm tròn đến một chữ số thập phân của điểm trung bình tính theo phân lượng của các điểm thành phần. Trường sẽ tiếp tục quy đổi điểm theo thang điểm 4 hay 100 ra điểm chữ khi cần thiết.

5.2.4 Những ký hiệu sau đây được sử dụng trong các trường hợp đặc biệt: Cấm thi hoặc Vắng thi không phép (F); Miễn học hoặc Bảo lưu (WH); Vắng thi có phép hoặc điểm chưa hoàn tất (I); Chưa có điểm thi (NA);

5.2.5 Điểm chưa hoàn tất (điểm I): là điểm tạm thời do cán bộ giảng dạy phụ trách môn học xem xét và cho đối với những sinh viên vì những lý do chính đáng không thể hoàn tất các yêu cầu của môn học vào cuối mỗi học kỳ hay khóa học.

Điều kiện để sinh viên có thể xin nhận điểm "I" của môn học:

- Sinh viên đã dự học, dự các lần kiểm tra giữa học kỳ, các hoạt động liên quan đến môn học như thí nghiệm, thực hành.
- Đã nộp học phí của môn học.
- Vì các lý do bất khả kháng nên vắng mặt trong buổi kiểm tra, thi cuối học kỳ (ốm đau, tai nạn...).
- Những thủ tục sau đây phải được thực hiện:
  - Trường hợp đơn xin điểm I xảy ra trong thời điểm trước ngày thi, sinh viên làm đơn kèm theo chứng cứ hợp lệ, trình bày với CBGD. Dựa vào ý kiến của CBGD và ý kiến đồng ý của Lãnh đạo Khoa, phòng Đào tạo xem xét về việc ra quyết định cho phép sinh viên nhận điểm I
  - Trường hợp sinh viên đau ốm bất thường hoặc lý do chính đáng bất khả kháng không tham gia thi: sinh viên làm đơn kèm chứng lý hợp lệ tại phòng Đào Tạo trong vòng 3 ngày kể từ ngày thi
  - Những trường hợp đặc biệt sinh viên làm đơn gửi Ban chủ nhiệm Khoa và Khoa đề xuất để BGH phê duyệt.

Sinh viên không cần đăng ký học lại các môn học được nhận điểm I trong học kỳ tiếp theo, mà chỉ nộp đơn xin dự thi xóa điểm I. Trong thời hạn là 1 năm tiếp theo, nếu sinh viên không có đủ điểm để đánh giá môn học, điểm I tự động được chuyển sang điểm F (điểm không).

## **6. Điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình tích lũy**

### **6.1 Điểm trung bình học kỳ (ĐTBHK)**

- ĐTBHK là điểm trung bình của tất cả các môn học mà sinh viên đã đăng ký học và được trường xếp lớp trong học kỳ đó.
- Các môn học chưa hoàn tất (điểm I), Miễn học, bảo lưu (WH), chưa có điểm thi (NA) không tính trong điểm trung bình học kỳ.
- ĐTBHK được làm tròn đến 1 chữ số thập phân.
- ĐTBHK được dùng để xét học bổng, khen thưởng, học vượt, học cùng một lúc ở nhiều ngành, nhiều trường và xử lý học vụ

### **6.2 Điểm trung bình tích lũy (ĐTBTL)**

- ĐTBTL là điểm trung bình có trọng số của tất cả các môn học mà sinh viên đã đăng ký học và được trường xếp lớp từ lần đăng ký đầu tiên đến thời điểm tính. ĐTBTL được tính theo thang điểm 100 và được làm tròn đến 1 chữ số thập phân.
- ĐTBTL được dùng để xét phân loại kết quả học tập của khóa học, xử lý học vụ, xét tốt nghiệp.

## **7. Số tín chỉ tích lũy**

Số tín chỉ tích lũy là tổng số tín chỉ của các môn học (kể cả môn học bảo lưu) đã hoàn tất và đạt điểm môn học  $\geq 50$  từ lúc bắt đầu khóa học đến thời điểm được tính.

### **Điều 3: Các diện sinh viên**

#### **1. Sinh viên hệ chính quy**

Sinh viên hệ chính quy là sinh viên đã hoàn tất các thủ tục nhập học và học chương trình chính qui theo phương thức tập trung toàn thời gian.

Một số trường hợp đặc biệt cũng sẽ được xem xét để thu nhận vào hệ chính qui tập trung như: sinh viên đang học ở nước ngoài có nguyện vọng muốn về nước học tiếp, sinh viên các trường đại học khác ở trong nước (cùng khối thi, cùng nhóm ngành đào tạo) có nguyện vọng muốn chuyển trường.

#### **2. Sinh viên tạm dừng**